

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/DS-ST  
Ngày 17 - 6 - 2025  
*Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đức Tính

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trịnh Diệp L, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Bé V, sinh năm 1972 (Có mặt).

2. Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu nguyên đơn bà Trịnh Diệp L trình bày:*

Vào ngày 03 tháng 11 năm 2018 âm lịch bà Nguyễn Bé V có nhờ bà hỏi tiền dùm với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bà V ký tên vào giấy nợ, đến ngày 03 tháng 12 năm 2018 bà Nguyễn Bé V có hỏi thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) không có viết biên nhận, tổng cộng hai lần bà Nguyễn Bé V nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền vốn và tiền lãi là 8.000.000 đồng được thể hiện trong đoạn ghi âm vào ngày 21 tháng 01 năm 2025 mà bà V thừa nhận còn nợ bà số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) nhưng bà V không đồng ý trả. Nay bà V không thừa nhận số tiền vay gốc 20.000.000

đồng thì bà yêu cầu bà V trả số tiền gốc 30.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận và yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền gốc 30.000.000 đồng từ ngày 15 tháng 4 năm 2019 dương lịch đến ngày 15 tháng 4 năm 2025 là 72 tháng với số tiền 35.856.000 đồng.

Do khi bà V vay tiền của bà V và ông Th là vợ chồng, bà V không nói là vay tiền sử dụng riêng nên bà cho rằng là nợ chung của bà V và ông Th nên yêu cầu ông Th có trách nhiệm cùng bà V trả tiền.

*- Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Bé V trình bày:*

Bà Trịnh Diệp L yêu cầu vợ chồng bà trả cho bà Trịnh Diệp L số tiền là 58.000.000 đồng bà không đồng ý vì bà đồng ý là bà có vay của bà Trịnh Diệp L số tiền vốn là 30.000.000 đồng, khi nhận tiền vay bà có ghi giấy nợ cho bà L; bà L tính lãi ngày và cứ 10 ngày là bà phải trả cho bà Trịnh Diệp L số tiền lãi là 3.000.000 đồng, bà đã trả tiền lãi cho bà Trịnh Diệp L rất nhiều lần cụ thể bà đã trả bao nhiêu thì bà không nhớ đến khoảng giữa tháng 4 năm 2019 dương lịch do thiếu tiền nhiều người nên bà bỏ đi và bắt đầu từ đó không trả tiền lãi cho bà L nữa. Vì do bà làm ăn thất bại nên bà không còn khả năng đóng lãi cho bà L, bà mới nói với bà Trịnh Diệp L là bà đã trả lãi cho bà L rất nhiều vậy bà L cho bà trả số tiền vốn là 30.000.000 đồng nhưng bà Trịnh Diệp L không đồng ý. Hiện nay bà cũng đang rất khó khăn về kinh tế và công việc làm ăn hơn nữa bà cũng còn đang thiếu nợ nhiều người nên bà đồng ý trả cho bà Trịnh Diệp L số tiền vốn là 30.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi, bà xin trả dần hàng tháng cho đến khi trả xong số nợ. Số tiền bà vay là để bà lập hội do bà làm chủ chứ ông Th không biết vì ông Th thường xuyên đi biển. Do đó đây là nợ của riêng bà không liên quan đến ông Th.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Th không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Trịnh Diệp L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th trả tiền vay. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, bà Bé Vân theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Đối với việc bà Trịnh Diệp L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th trả cho ông số tiền vay gốc 30.000.000 đồng. Xét thấy,

việc bà Bé Vân vay tiền của bà L là có thật thể hiện tại biên nhận viết trên giấy tập học sinh ngày 03 tháng 11 năm 2018 (bút lục 03). Bà V cũng thừa nhận có vay tiền của bà L số tiền 30.000.000 đồng tại biên nhận bà L trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Diệp L đối với bà Nguyễn Bé V về việc trả tiền vay gốc 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà L thấy rằng khi vay tiền giữa bà L và bà Bé Vân có thỏa thuận lãi suất; bà L cho rằng lãi suất vay mỗi tháng 5%/tháng còn bà V cho rằng lãi suất tính ngày và bà đã đóng cho bà L khoảng gần một năm nhưng bà V không có tài liệu chứng minh đã đóng lãi cho bà L và bà L cũng không thừa nhận việc tính lãi như bà V trình bày, khi vay bà V chưa trả lãi cho bà L nay tranh chấp bà L yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng. Xét thấy, việc bà L yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính từ ngày 15/4/2019 đến ngày 15/4/2025 là 72 tháng x 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 35.856.000 đồng.

Tổng số tiền vay gốc và lãi buộc bà Bé Vân phải trả cho bà L là 65.856.000 đồng.

[2.2] Đối với việc bà Bé Ba yêu cầu ông Th liên đới cùng bà V trả tiền:

Bà V cho rằng việc bà vay tiền ông Th không biết, số tiền bà vay là để bà lập hội do bà làm chủ chứ ông Th không biết vì ông Th thường xuyên đi biển. Do đó đây là nợ của riêng bà không liên quan đến ông Th. Xét thấy, bà V và ông Th là vợ chồng, bà V không có tài liệu nào chứng minh việc bà vay tiền là vay riêng, ông Th cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà V vay tiền là nợ riêng của bà V, đồng thời bà V xác định bà V và ông Th vẫn là vợ chồng nên cần buộc ông Th liên đới cùng bà V trả cho bà L tổng số tiền gốc và lãi là 65.856.000 đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th liên đới chịu 65.856.000 đồng x 5% = 3.292.800 đồng. Bà L không phải chịu án phí, bà L đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Diệp L về việc yêu cầu bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th trả tiền vay.

Buộc bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th liên đới trả cho bà Trịnh Diệp L tổng số tiền 65.856.000 (sáu mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu) đồng, trong

đó tiền vay gốc 30.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tiền lãi 35.856.000 (ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

## 2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Bé V và ông Bùi Văn Th phải chịu 3.292.800 (ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm) đồng.

Bà Trịnh Diệp L không phải chịu án phí, bà Trịnh Diệp L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007055 ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bà L, bà V có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mộng Chi**